

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17-9-2019

V/v: Ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thanh Châu Giang

Ông Trần Hoài Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Lộc Hồng Điệp – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2019 về việc: Ly hôn. Theo quyết đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị H, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn N, xã Yên Thái, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn N, xã Yên Thái, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái

Hiện đang bị tạm giam tại trại giam Công an tỉnh Yên Bái (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nông Thị H trình bày: Tôi và anh K kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện. Đăng ký ngày 06/10/1998 tại UBND xã Yên Thái, huyện Văn Yên. Sau khi kết hôn vợ chồng về làm ăn sinh sống tại thôn L, xã Xuân Tầm, huyện Văn Yên đến năm 2008 chuyển về thị trấn Mậu A làm ăn sinh sống. Vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến đầu năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K chơi bời không chịu làm ăn và đã sử dụng chất ma túy, tôi đã

khuyên bảo anh K nhiều lần nhưng không nghe. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra ngày càng căng thẳng từ đầu năm 2018 cho đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh K.

Về con chung: Có 01 cháu đã trưởng thành và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn K trình bày: Tôi và chị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký ngày 06/10/1998 tại UBND xã Yên Thái, huyện Văn Yên. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến tháng 4/2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tôi sử dụng trái phép chất ma túy từ đó mâu thuẫn vợ chồng xảy ra. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị H xin ly hôn. Tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 cháu đã trưởng thành và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh K. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị H và anh Nguyễn Văn K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Yên Thái, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái vào ngày 06 tháng 10 năm 1998 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu. Sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K sử dụng chất ma túy từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra. Hiện nay anh K đang phải chấp

hành án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị H xin ly hôn. Anh K đồng ý ly hôn.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đã xác định chị H và anh K mâu thuẫn có xảy ra vì anh K đã sử dụng chất ma túy chị H đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh K không nghe. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh K đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị H được ly hôn anh K là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 01 cháu đã trưởng thành và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 56; 57 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 điều 147; khoản 1 điều 228; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nông Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn K.

2. Về con chung: Có 01 cháu đã trưởng thành và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2017/0001414 ngày 21/6/2019 tại Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh K vắng mặt tại phiên tòa được

quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Thái
- Lưu HS-TQĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng